

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 tháng 9 năm 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vượng và ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2020 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị H, sinh năm 1989. (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã D thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã D thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2020 và trong quá trình xét xử, chị Phùng Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:

Tôi với anh D kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2013 tại UBND xã D, thành phố B; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn tôi về làm dâu nhà anh D ngay ở địa chỉ thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau, luân xẩy ra bất đồng quan điểm sống. Đến ngày 20/5/2020 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Chị H và anh D ly thân nhau từ đó không ai còn quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 11/5/2014 hiện đang ở cùng với anh D. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi

con. Hiện nay chị đang làm việc tại Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ DAI-CHI với mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng đảm bảo cho việc nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:

Anh D với chị Phùng Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2013 tại UBND xã D, thành phố B; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn Chị H về làm dâu nhà anh ngay tại địa chỉ thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức phải ly hôn. Đến ngày 20/5/2020 do mâu thuẫn vợ chồng nên Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh và Chị H ly thân nhau từ đó, anh có đến khuyên bảo Chị H về đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng Chị H nhất định không quay về. Nay Chị H đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 11/5/2014 hiện đang ở cùng với anh. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh với ông Nguyễn Đình N (là bố đẻ anh D) và ông trưởng thôn T, xã D, thành phố B cho biết như sau:

Anh D với chị Phùng Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2013 tại UBND xã D, thành phố B; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn Chị H về làm dâu nhà anh D ngay tại địa chỉ thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hai vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 11/5/2014 hiện đang ở cùng với anh D. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D mãi chơi, không tu trí làm ăn. Đến ngày 20/5/2020 do mâu thuẫn vợ chồng nên Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Hiện anh D không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định để đảm bảo cho việc nuôi con.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Cần chấp nhận ly hôn giữa chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Đình D

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 11/5/2014 cho Chị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con Chị H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh D không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay cả Chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh D và Chị H **theo Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.**

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và Chị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương nên quan hệ hôn nhân giữa anh D và Chị H là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do anh D không chịu tu trí làm ăn lại ham mê cờ bạc bị bắt tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh bắc Giang. Nay xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho Chị H được ly hôn anh D (theo Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình 2014).

[3] Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 11/5/2014. Ly hôn cả anh D và Chị H đều có yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy Chị H có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo cho việc nuôi con. Anh D không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi con. Xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích mọi mặt của cháu Ngân nên cần giao cháu Ngân cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Đình D.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 11/5/2014 cho chị Phùng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001508 ngày 23/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Đình D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường